TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 362/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị H - Sinh năm 1989
Trú tại: Thôn 2, xã B, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp* cho chị Bùi Thị H (Người dân tộc thiểu số): Bà Hà Thị N - Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6 thuộc Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Thiều Văn B - Sinh năm 1987
Trú tại: Thôn 10, xã L, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt chị H, bà N; vắng mặt anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2017, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Thiều Văn B kết hôn ngày 19 tháng 02 năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã B, huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, anh B thường xuyên đau ốm và hiếm muộn con cái dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, xô xát. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2016 cho đến nay và không còn quan tâm gì

đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.
Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Bình nhưng anh B không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị H, xử cho chị Hoan được ly hôn anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B nhưng anh B không có ý kiến gì gửi cho Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hoà giải được. Phiên tòa ngày 09/01/2018, anh B vắng mặt, HĐXX ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh B tiếp tục vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh B hiếm muộn con. Vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên cãi cọ, xô xát dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Tại phiên tòa, chị H vẫn tha thiết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung với anh B được nữa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoan và đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn xử cho chị H được ly hôn anh B.

[3] Về con chung: Chị H và anh B không có con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Thiều Văn B.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0001001 ngày 17/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu